

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/DS-PT

Ngày: 24/9/2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long.

Các Thẩm phán: Ông Mai Nam Tiến

Ông Phạm Trường Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 45A/2024/DS-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C (tên thường gọi Nguyễn Công C1), sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty cổ phần T) Hậu Lộc.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C (tên thường gọi Nguyễn Công C1), sinh năm 1963; Chức vụ: Giám đốc công ty. (có mặt)

- Ông Mã Thế H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

* **Người làm chứng:** Ông Lê Văn H1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà **L**, ông **C1**, vắng mặt ông **H1**, ông **H**

* Người kháng cáo nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1969 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bà **Lê Thị L** trình bày:

Ngày 18/12/2019 bà có cho ông **Nguyễn Công C1** và ông **Lê Văn H1** vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận riêng. Thời hạn trả nợ vào ngày 08/01/2020. Sau khi thỏa thuận xong ông **C1** và ông **H1** có viết giấy vay tiền với bà. Đến hẹn bà gọi điện yêu cầu ông **C1** trả nợ thì ông **C1** trả lời chưa lấy được tiền ngân hàng. Ông **C1** có trả lãi cho bà nhưng bà không nhớ cụ thể ngày tháng và số tiền trả lãi. Đến ngày 20/10/2021 bà có sang Công ty ông **C1** hỏi nợ ông **C1** có viết cho bà một giấy hẹn trả nợ nhưng ông **C1** và ông **H1** vẫn chưa trả cho bà số tiền trên. Bà đề nghị ông **C1** và ông **H1** trả nợ khoản tiền đã vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/10/2021 đến 30/01/2024 là 81.000.000 đồng.

* Bị đơn ông **Nguyễn Văn C** (tên thường gọi **Nguyễn Công C1**), trình bày:

Ông là giám đốc **Công ty CP T1**. Cuối năm 2019 do dịch covid-19 kéo dài làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khiến thiếu hụt dòng tiền. Ban giám đốc công ty phải kêu gọi cán bộ công nhân viên cùng với **B** giám đốc đi vay tiền để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh cho công ty. Ngày 18/12/2019 ông và ông **Lê Văn H1** (phó giám đốc **công ty CP T1**) đến nhà bà **L**, ông **H** để vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 9%/ tháng. Tại đây ông là người đại diện Công ty đứng ra viết giấy vay và nhận tiền, ông **H1** là người làm chứng và ký vào giấy vay tiền bên mục thừa kế trả nợ theo giấy vay tiền của bà **Lý i** sẵn. Số tiền lấy về nộp vào quỹ công ty, được phòng tài vụ theo dõi trả lãi gốc, lãi theo thỏa thuận với bà **L**. Số tiền vay này là vay cho **Công ty CP T1**, không liên quan đến cá nhân ông cũng như ông **H1**. Do vậy **Công ty CP T1** chịu trách nhiệm thanh toán cho bà **L**.

Đến ngày 04/6/2020 **công ty CP T1** trả tiền gốc cho bà **L** 100.000.000 đồng.

Trả lãi 5 tháng trên số tiền lãi gốc 200.000.000 đồng x 18.000.000 đồng/ tháng = 90.000.000 đồng;

Trả lãi 07 tháng trên số tiền gốc 100.000.000 đồng x 9.000.000 đồng/ tháng = 63.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Công ty đã trả là 153.000.000 đồng.

Sang năm 2021, hoạt động kinh doanh của Công ty bị đình trệ do cách ly xã hội bởi dịch covid, Công ty không trả được lãi và gốc theo cam kết. Số tiền gốc còn nợ lại là 100.000.000 đồng. Do hiện nay Công ty đang gặp khó khăn trong khoản thanh toán nên đề nghị bà **L** cho thanh toán trả nợ dần hàng tháng là 10.000.000 đồng trừ vào tiền gốc cho đến hết nợ và đề nghị không tính lãi số tiền trên.

Quá trình làm việc hòa giải tại Tòa án, ông **C1** thay đổi quan điểm, ông khai nhận ông ký vay nợ với tư cách cá nhân đối với bà **L** số tiền 200.000.000 đồng. Đã trả gốc 100.000.000 đồng, trả lãi 153.000.000 đồng. Ông **H1** là người đi cùng, ký vào giấy vay mục người thừa kế trả tiền nhưng chỉ làm chứng để bà **L** cho vay, không liên quan đến việc vay nợ và trả nợ đối với bà **L**.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông **C1** có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm vì người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

** Quá trình làm việc ông **Lê Văn H1** tự khai trình bày:*

Ông là Phó giám đốc **Công ty CP T1**. Ngày 18/12/2019 ông có đi cùng với ông **C1** (Giám đốc **Công ty CP T1**) sang nhà bà **L (H)** ở **thị trấn B, huyện H**. Tại đây ông **C1** có vay tiền của bà **L**, số tiền là 200.000.000 đồng. Ông là người ký vào phần người thừa kế trả nợ do bà **L** yêu cầu ký vào tờ giấy in sẵn của bà **L**. Tuy nhiên khoản vay này ông không có liên quan, ông chỉ là người làm chứng. Việc vay tiền và nhận tiền do ông **C1** và bà **L** giao dịch với nhau.

** Ông **Mã Thế H** gửi văn bản trình bày:* Ông không liên quan gì đến khoản vay ngày 18/12/2019 giữa ông **C1** và bà **L**. Việc ghi tên ông vào trong giấy vay là để phân biệt không nhầm lẫn với người khác.

** Tài liệu chứng cứ bà **L** giao nộp:* Giấy vay tiền, nội dung là ngày 18/12/2019 ông **Nguyễn Công C1** vay bà **Lê Thị L (ông H)** số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ từ ngày 08/01/2020. Giấy vay có chữ ký và chữ viết người vay tiền ghi tên ông **Nguyễn Công C1**, người thừa kế trả tiền là ông **Lê Văn H1**, người cho vay bà **Lê Thị L** (giấy gốc). 01 giấy hẹn trả nợ ngày 20/10/2021 của ông **Nguyễn Công C1** (giấy gốc).

** Tài liệu chứng cứ ông **C1** giao nộp:*

- 01 phiếu thu của **Công ty CP T1** ngày 18/12/2019 số tiền 200.000.000 đồng (**Số P** - giấy gốc);

- 01 phiếu chi của **Công ty CP T1** ngày 12/5/2020 số tiền 50.000.000 đồng (giấy gốc);

- 01 phiếu chi của **Công ty CP T1** ngày 21/5/2020 số tiền 53.000.000 đồng (giấy gốc);

- Bảng tiết tiết công nợ phải trả được lập bởi **Công ty CP T1** được liệt kê tổng số tiền cho vay là 200.000.000 đồng (mã 0811), tổng số tiền đã trả cho mã 0811 là 142.700.000 đồng;

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Quan điểm của bà **Lê Thị L**: ông **Nguyễn Công C1** là người đứng ra ký giấy vay nợ nên phải có nghĩa vụ trả cho bà theo giấy vay. Trường hợp ông **C1** không trả được thì đề nghị người ký vào giấy vay là người thừa kế trả nợ (ông **Lê Văn H1**) phải trả nợ thay ông **C1**.

Về lãi suất: Do ông chính đã trả được một phần tiền lãi nhưng bà không nhớ rõ. Do vậy đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày ông **C1** viết giấy hẹn trả nợ (20/10/2021) đến khi trả hết nợ.

- Quan điểm ông **Nguyễn Công C1**: Ông là đại diện của **Công ty CP T1** đã trả cho bà **L** số tiền 100.000.000 đồng của khoản vay này. Còn nợ lại bà **L** số tiền 100.000.000 triệu đồng tiền gốc. Về tiền lãi đã trả cho bà **L** với lãi cao, do vậy đề nghị không tính lãi. Số tiền còn lại đề nghị được trả dần.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45A/2024/DS-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

***Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; 273; 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 149; Điều 157; Điều 357; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị L** đối với ông **Nguyễn Công C1**.

Buộc ông **Nguyễn Công C1** phải trả cho bà **Lê Thị L** số tiền đã vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 55.222.000 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng 255.222.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định theo hướng:

Bác kháng cáo của nguyên đơn bà **Lê Thị L**, sửa bản án sơ thẩm số 45A/2024/DS-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa về phần án phí dân sự sơ thẩm các nội dung khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà **Lê Thị L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Nguyễn Văn C** (tên thường gọi **Nguyễn Công C1**) là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về tố tụng và quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] *Về tố tụng:*

- *Xét tính hợp pháp của kháng cáo:* Ngày 24/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 7/8/2024 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà **Lê Thị L**; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định tại Điều 273; Điều 275 và Điều 276 BLTTDS nên đơn kháng cáo là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật được thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Xét về vắng mặt:* Người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có lời khai nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo Điều 227 và khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

[3]. *Xét kháng cáo của nguyên đơn bà **Lê Thị L** đã kháng cáo:*

Theo đơn kháng cáo ngày 07/8/2024 nội dung kháng cáo xem xét giải quyết lại vụ án, buộc ông **Lê Văn H1** phải có trách nhiệm trả nợ cho bà **L** số tiền mà đã đứng ra cùng vay với ông **Nguyễn Công C1**.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về Giấy vay tiền ngày 18/12/2019 có nội dung là gia đình tôi: “**Nguyễn Công C1**”; Gia đình tôi có vay của gia đình: “**Chị L - A H2**”; Người vay tiền chồng: “**Nguyễn Công C1**”; vợ:...; Người thừa kế trả tiền: “**Lê Văn H1**”.

- Về Giấy hẹn trả nợ ngày 20/10/2021 người hẹn trả nợ là “**Nguyễn Công C1**” không liên quan gì đến ông **Lê Văn H1** hẹn trả nợ.

- Về mối quan hệ: Ông **Lê Văn H1** và ông **C1** là người cùng **công ty CP T1**, tỉnh Thanh Hóa do đó theo quy định tại Điều 16 Luật hôn nhân gia đình 2015 thì ông **H1** không phải là thành viên trong gia đình; Theo Điều 609 BLDS về quyền thừa kế thì ông **C1** chưa có văn bản giấy tờ theo quy định pháp luật để ông **H1** có quyền thừa kế và hiện tại ông **C1** vẫn còn sống nên chưa phát sinh thời điểm mở thừa kế theo quy định nên trong Giấy vay tiền ông **H1** ký nhận với tư cách là

người thừa kế trả tiền theo quy định của pháp luật là không phù hợp.

- Trong Giấy vay tiền không thể hiện nội dung nào về việc ông H1 vay tiền, hay cùng với ông C1 vay hoặc phải trả thay cho ông C1 nếu ông C1 không trả theo yêu cầu của nguyên đơn kháng cáo. Mặt khác ông H1 chỉ thừa nhận là có đi cùng với ông C1 và theo yêu cầu của bà L thì ký vào phần thừa kế trả tiền, còn khoản vay này Ông không có liên quan, Ông chỉ là người làm chứng. Ông C1 cũng thừa nhận ông H1 chỉ đi theo Ông để làm chứng việc Ông vay tiền của bà L, không liên quan gì đến ông H1, đây là việc cá nhân của ông C1, ông C1 sẽ chịu trách nhiệm với bà L nên không đủ căn cứ để xem xét.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn C (tên thường gọi Nguyễn Công C1) xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C1 thuộc trường hợp được miễn án phí nên chấp nhận yêu cầu của ông C1, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C1.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Lê Văn H1 tham gia với tư cách là người làm chứng như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp với quy định của pháp luật, nên kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L không có cơ sở để chấp nhận, chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C1. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L, sửa bản án sơ thẩm số 45A/2024/DS-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa về phần án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận nhưng được trừ vào 300.000đ mà bà đã nộp theo biên lai số 0003346 ngày 07/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C (tên thường gọi Nguyễn Công C1) vì người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 5; Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm số 45A/2024/DS-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa về phần án phí dân sự sơ thẩm các nội dung khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình 2015. Điều 149,157,357,463, 609, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà **Lê Thị L.**

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Nguyễn Công C1** là người cao tuổi.

Về án phí phúc thẩm dân sự: Buộc bà **Lê Thị L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ mà bà **L** đã nộp theo biên lai số 0003346 ngày 07/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- Chi cục THADS h, Hậu Lộc;
- TAND, VKSND h, Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Đại Long